

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA LUẬT

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	LUẬT CẠNH TRANH		
Mã học phần:	71LAWS40202	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	242_71LAWS40202_01,02,03,04		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:		60 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu: SV chỉ được sử dụng tài liệu giấy in</i>	☒ Có	☐ Không	

Cách thức nộp bài (Giảng viên ghi rõ yêu cầu): SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Đề xuất những giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề pháp lý, các bài tập tình huống thực tế về hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế, quy trình tổ tụng cạnh tranh, giải quyết	Tự luận	30	1	3	PI 3.2

	tranh chấp thương mại.					
CLO2	Áp dụng kỹ năng lập luận, khả năng sáng tạo, tư duy phân biện, tư duy đa chiều để giải quyết vấn đề hiệu quả liên quan đến luật cạnh tranh và giải quyết tranh chấp.	Tự luận	20	2	2	PI 5.2
CLO3	Lựa chọn đúng văn bản pháp luật và quy phạm pháp luật để áp dụng trong các tình huống pháp luật về cạnh tranh	Tự luận	50	3	5	PI 6.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức độ đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (3 điểm)

Câu 1: Anh/chị hãy phân biệt chính sách miễn trừ và chính sách khoan hồng trong pháp luật cạnh tranh Việt Nam.

Câu hỏi 2: Các nhận định sau đây đúng hay sai? Giải thích. Nêu cơ sở pháp lý (2 điểm)

1. Phán quyết trọng tài chỉ bị hủy trong trường hợp phán quyết đó trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.
2. Khi nhận được kết quả điều tra từ Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh quốc gia phải ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh đối với vụ việc hạn chế cạnh tranh.

Câu hỏi 3: (5 điểm)

Anh/chị hãy xác định hành vi các hành vi sau đây là dạng vi phạm nào trong Luật Cạnh tranh và cơ chế kiểm soát của Luật Cạnh tranh đối với hành vi đó? Giải thích, nêu cơ sở pháp lý.

H và T là hai doanh nghiệp kinh doanh thiết bị điện tử nhập khẩu tại Việt Nam. H và T đã ký thỏa thuận hợp tác với nhau, trong đó có điều khoản:

1. “Thống nhất H chỉ nhập khẩu hàng từ Nhật Bản, T sẽ nhập hàng từ Châu Âu”. (2.5 điểm)
2. “Thống nhất yêu cầu các đại lý của mình không được phân phối các thiết bị gia dụng nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc”. (2.5 điểm)

---HẾT---

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1		3.0	
	Khái niệm: + Miễn trừ: là các doanh nghiệp thực hiện thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm nhưng có các tác động tích cực như có lợi cho người tiêu dùng và đáp ứng các điều kiện luật định nên được cho phép thực hiện. + Khoan hồng: các doanh nghiệp đã thực hiện thỏa thuận hạn chế cạnh tranh nhưng chủ động khai báo, hợp tác cung cấp thông tin để hỗ trợ quá trình điều tra và xử lý vụ việc cạnh tranh.	1.0	
	Mục đích: + Miễn trừ: Thúc đẩy lợi ích kinh tế và quyền lợi người tiêu dùng. + Khoan hồng: Hỗ trợ công tác phát hiện và điều tra, xử lý vi phạm.	0.5	
	Thời điểm và thủ tục áp dụng: (1,0) + Miễn trừ: doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ trước khi thực hiện thỏa thuận và thủ tục được quy định từ Điều 14 đến Điều 23 Luật Cạnh tranh 2018. + Khoan hồng: doanh nghiệp khai báo sau khi thỏa thuận đã hoặc đang thực hiện, thủ tục áp dụng chính sách khoan hồng thực hiện theo Điều 112 Luật Cạnh tranh 2018.	1.0	
	Thẩm quyền áp dụng: + Miễn trừ: Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia + Khoan hồng: Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia	0.5	
Câu 2		2.0	
Nội dung a.	Nhận định sai	1.0	

	Giải thích: Không chỉ trường hợp đó, phán quyết trọng tài còn bị hủy khi rơi vào 01 trong các căn cứ tại khoản 2 Điều 68 Luật TTTM 2010 và có yêu cầu của 01 bên. CSPL: khoản 1, 2 Điều 68 Luật TTTM 2010.		
Nội dung b.	Nhận định sai. Giải thích: Đối với vụ việc hạn chế cạnh tranh, sau khi nhận được kết quả điều tra, Chủ tịch UBCTQG không tự ra quyết định xử lý mà phải ra quyết định thành lập Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh. Sau đó, Hội đồng sẽ tiến hành các thủ tục xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo Điều 91 LCT theo nguyên tắc tập thể, bỏ phiếu kín và quyết định theo đa số. CSPL: Điều 91 Luật Cạnh tranh.	1.0	
Câu 3		5.0	
Nội dung a	Xác định đây là thỏa thuận phân chia nguồn cung cấp hàng hóa tại khoản 2 Điều 11 LCT 2018. Giải thích dựa vào dấu hiệu tại khoản 2 Điều 15 ND 116/2005.	1.5	
	Cơ chế kiểm soát: cấm khi cùng thị trường liên quan (cấm có chọn lọc) CSPL: khoản 1 Điều 12 LCT 2018.	1.0	
Nội dung b	Xác định đây là thỏa thuận áp đặt điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho doanh nghiệp khác tại khoản 8 Điều 11 LCT 2018. Giải thích dựa vào dấu hiệu tại khoản 1 Điều 18 ND 116/2005.	1.5	
	Cơ chế kiểm soát: cấm khi thỏa thuận diễn ra trên cùng thị trường liên quan và gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh	1.0	

	tranh một cách đáng kể trên thị trường. CSPL: khoản 3 Điều 12 LCT 2018.		
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2025
Giảng viên ra đề

Ths. Trần Minh Toàn(đã duyệt)

Ths. Nguyễn Ngọc Biện Thùy Hương